

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/DS-ST
Ngày: 24-5-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào.

2. Ông Nguyễn Văn Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Quốc Bảo – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của anh T là chị Phạm Thị Thúy A, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh. (theo hợp đồng ủy quyền ngày 18/7/2023). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1974.

Chị Nguyễn Thị L (tên gọi khác: N), sinh năm: 1979

Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Minh T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Phạm Thị Thúy A trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè với nhau nên vào ngày 15/3/2023 anh T có cho chị L (tên gọi khác là N) và anh T1 mượn số tiền 350.000.000 đồng, mục đích là để làm vốn kinh doanh. Thời hạn vay là 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Khi cho mượn giữa hai bên có làm biên nhận nhận nợ ngày 15/3/2023 do chị L (N) và anh T1 ký tên trên giấy. Sau thời hạn 01 tháng vợ chồng chị L (N) anh T1 vẫn không trả khoản tiền cho anh T.

Hiện tại chị L và anh T1 vẫn đang sống chung trong thời kỳ hôn nhân và việc vay mượn này chị L và anh T1 điều biết nên anh T yêu cầu vợ chồng chị L và anh T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ cho anh.

Nay chị Phạm Thị Thúy A là người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Minh T yêu cầu vợ chồng chị L (tên gọi khác là N) và anh T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh T số tiền vay còn nợ là 350.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi. Ngoài ra, giữa anh T với chị L và anh T1 không còn khoản nợ nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị L (tự N) trình bày:

Chị chấp nhận là có nợ anh Phạm Minh T số tiền 350.000.000 đồng đến nay chưa trả, cụ thể là vào ngày nào chị không nhớ, chị và anh Lê Văn T1 có mượn của anh T số tiền là 350.000.000 đồng, mượn đỡ 01 tháng sẽ trả lại, nhưng do làm ăn khó khăn nên vợ chồng chị chưa có khả năng để trả lại cho anh T. Nay chị thống nhất là có nợ, chị và anh T1 cùng có trách nhiệm trả số nợ là 350.000.000 đồng cho anh T. Ngoài ra, giữa chị với anh T không còn khoản nợ nào khác.

Đối với bị đơn, anh Lê Văn T1:

Anh thống nhất theo yêu cầu của vợ anh là chị Nguyễn Thị L (tự N), anh thống nhất là có nợ và cùng vợ anh là chị L sẽ chịu trách nhiệm trả số nợ là 350.000.000 đồng cho anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Minh T do chị Phạm Thị Thúy A là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn là chị Nguyễn Thị L (tự N) và anh Lê Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị A, chị L, anh T1 là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 70, 71, 72, 73, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh T đối với chị Nguyễn Thị L (tự N) và anh Lê Văn T1. Buộc chị L (tự N) và anh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho anh T số tiền 350.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự, phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Minh T khởi kiện chị Nguyễn Thị L (tự N) và anh Lê Văn T1 trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật được Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Chị Nguyễn Thị L (tự N) và anh Lê Văn T1 có địa chỉ cư trú tại huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Thúy A là đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị L (tự N) và anh Lê Văn T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị A, chị L (tự N) và anh T1 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh T thì thấy rằng: Anh T yêu cầu chị L (tự N) và anh T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 350.000.000 đồng. Lý do anh T yêu cầu như trên là vì vào ngày 15/3/2023 anh T có cho vợ chồng chị L (tự N) và anh T1 vay số tiền 350.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng, nhưng từ ngày vay cho đến nay vợ chồng chị L (tự N) và anh T1 chưa trả cho anh khoản tiền gốc lãi nào.

Trong quá trình làm việc, chị L (tự N) và anh T1 thừa nhận có nợ và đồng ý cùng có trách nhiệm trả số tiền vay như yêu cầu của anh T nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Hội đồng xét xử nhận thấy, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, anh T đã cung cấp cho Tòa giấy mượn tiền do chị L và anh T1 ký tên trên giấy. Mặc dù, chị L không xác định được là có phải do chị ký hay không, chị cũng không yêu cầu giám định nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị cũng thống nhất là hiện tại chị còn nợ anh T số tiền là 350.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Từ những phân tích như trên, thấy rằng việc chị L và anh T1 vay mà chưa trả tiền vay cho anh T là có thật và từ thời điểm vay tiền cho đến nay chị L và anh T1 đang sống trong thời kỳ hôn nhân nên anh T yêu cầu chị L và anh T1 cùng có nghĩa vụ trả là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần buộc chị L và anh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh T số tiền vay là 350.000.000 đồng là phù hợp với các điều 288, 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị L và anh T1 trả lãi

Đối với tiền lãi kể từ ngày 25-5-2024 cho đến khi thi hành án xong được thực hiện theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Từ những nhận định trên xét thấy toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Do toàn bộ yêu cầu của anh T được Tòa án chấp nhận nên chị L và anh T1 phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh T đối với chị Nguyễn Thi L (tự N) và anh Lê Văn T1 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Nguyễn Thi L (tự N) và anh Lê Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phạm Minh T số tiền 350.000.000 (*Ba trăm năm mươi triệu*) đồng. Ghi nhận anh T không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày 25-5-2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thi L (tự N) và anh Lê Văn T1 có nghĩa vụ liên đới chịu 17.500.000 (*Mười bảy triệu năm trăm nghìn*) đồng.

Hoàn trả lại cho anh Phạm Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0026027 ngày 30-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân

